

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**  
Mã Thành viên : 106  
Trụ sở chính : Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41- 43 Trần Cao  
Vân, P.6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (08)38258106  
Fax : (08) 38248655  
Người thực hiện công bố  
thông tin : Huỳnh Thị Dương Thiện  
Điện thoại : 0941567797

Loại thông tin công bố :  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

1. Báo cáo tài chính năm 2017 và Báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.
2. Giải trình biến động lợi nhuận năm 2017 so với năm 2016.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC vào ngày 30/03/2018 tại đường dẫn:

<http://www.asias.com.vn/News/2018/3/30/113608.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người được ủy quyền công bố thông tin



Huỳnh Thị Dương Thiện

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CV: 58.../CV-ASC/2018  
V/v Giải trình KQHĐKD năm 2017  
chênh lệch 10% so với năm 2016

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

**Kính gửi** : Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC giải trình nguyên nhân KQHĐKD năm 2017 chênh lệch 10% so với năm 2016

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2016	So sánh	
			Chênh lệch	%
I. DOANH THU	11.969.292.874	13.534.477.955	(1.565.185.081)	(12%)
II. CHI PHÍ	8.587.731.009	13.493.771.318	(4.906.040.309)	(36%)
III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	3.381.561.865	40.706.637	3.340.855.228	8207%

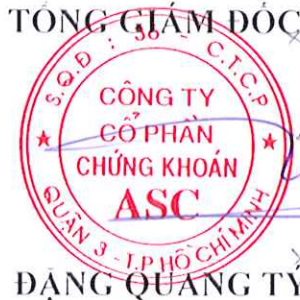
- Doanh thu 2017 đạt khoảng 11,9 tỷ đồng, giảm 1,5 tỷ đồng (12%) so với năm 2016, chủ yếu do Công ty rút nghiệp vụ Môi giới

- Chi phí hoạt động kinh doanh năm 2017 là 8,5 tỷ đồng, giảm 4,9 tỷ đồng (36%) so với năm 2016, chủ yếu do năm 2016 công ty trích lập dự phòng một số khoản phải thu theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC còn năm 2017 chỉ bao gồm chi phí hoạt động

→ Do đó kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 là 3,38 tỷ đồng, tăng 3,34 tỷ (8207%) so với năm 2016

Trân trọng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	07 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	09 - 10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
6. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13
7. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	14 - 29

---



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

*Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 106/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 4 năm 2009 và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

*Giấy phép thành lập và hoạt động số*

*Ngày*

Giấy phép 313/UBCK-GP

Ngày 15 tháng 03 năm 2010

Giấy phép 327/UBCK-GP

Ngày 26 tháng 05 năm 2010

Giấy phép 98/GPĐC-UBCK

Ngày 06 tháng 07 năm 2012

Giấy phép 36/GPĐC-UBCK

Ngày 12 tháng 08 năm 2015

Giấy phép 04/GPĐC-UBCK

Ngày 25 tháng 01 năm 2017

Vốn pháp định: 35.000.000.000 (ba mươi lăm tỷ) đồng.

Vốn điều lệ: 56.000.000.000 đồng (năm mươi sáu tỷ) đồng.

**2. Trụ sở chính hoạt động**

Địa chỉ : Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) 3825 8106

Fax : +84 (28) 3824 8655

Mã số thuế : 0 3 0 9 6 6 6 4 5 1

**3. Ngành nghề hoạt động**

Hoạt động chính của Công ty trong giai đoạn tài chính hiện tại là tư vấn tài chính.

**4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

**4.1. Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Ông Phan Minh Hoàn

Chủ tịch

Ông Đặng Quang Tý

Thành viên

Ông Đặng Vũ Thanh Hà

Thành viên

**4.2. Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Bà Lê Thị Thu Trang

Trưởng ban

Bà Đặng Thị Minh Thư

Thành viên

**4.3. Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Ông Đặng Quang Tý

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

**5. Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phan Minh Hoàn (Chủ tịch Hội đồng quản trị).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

*Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

---

Ông Đặng Quang Tỷ - Tổng Giám đốc, được Ông Phan Minh Hoàn ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 01A/2015/QĐUQ ngày 27 tháng 1 năm 2015.

**6. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 29.

**7. Sự kiện quan trọng trong năm và đến ngày lập báo cáo**

Ngày 25 tháng 1 năm 2017, Ủy ban Chứng khoán nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK về việc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán của Công ty.

**8. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**9. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

**10. Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực Kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

*Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

---

**11. Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

x



**ĐẶNG QUANG TÝ**

**Tổng Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018.*



Số: 2191/18/BCKT/AUD-DNVVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 (từ trang 07 đến trang 29), bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc ngày cùng ngày đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 28 tháng 03 năm 2017, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với vấn đề nhấn mạnh (Ngày 25 tháng 1 năm 2017, Ủy ban Chứng khoán nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK về việc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán của Công ty).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



**Đỗ Thị Hương** - Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0967-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

**Hoàng Thái Tân** - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2817-2014-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>34.739.601.240</b>	<b>33.345.097.583</b>
<b>110</b>	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>33.981.151.240</b>	<b>32.970.710.489</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	26.133.550.051	29.268.574.533
111.1	1.1 Tiền		22.133.550.051	5.768.574.533
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	23.500.000.000
118	2. Trả trước cho người bán	V.2	292.180.000	100.000.000
119	3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	V.3	6.200.000.000	1.185.954.400
122	4. Các khoản phải thu khác	V.4	3.386.787.175	3.448.770.508
129	5. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	V.5	(2.031.365.986)	(1.032.588.952)
<b>130</b>	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>758.450.000</b>	<b>374.387.094</b>
131	1. Tạm ứng	V.6	750.450.000	363.683.441
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	8.000.000	10.703.653
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	V.8a	1.130.000.000	1.130.000.000
135	5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
139	9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	V.9	(1.130.000.000)	(1.130.000.000)
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.006.783.044</b>	<b>324.044.322</b>
<b>210</b>	<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>829.609.951</b>	<b>174.321.217</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	812.734.951	134.946.217
222	- Nguyên giá		2.376.225.011	2.305.782.848
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.563.490.060)	(2.170.836.631)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	16.875.000	39.375.000
228	- Nguyên giá		2.553.521.305	2.553.521.305
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.536.646.305)	(2.514.146.305)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>240</b>	<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>250</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>177.173.093</b>	<b>149.723.105</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	V.8b	126.244.000	126.244.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	50.929.093	23.479.105
<b>260</b>	<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>35.746.384.284</b>	<b>33.669.141.905</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

*Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)*

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.034.925.434</b>	<b>4.339.244.920</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>3.034.925.434</b>	<b>4.339.244.920</b>
321	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	1.199.400.000	544.900.000
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	807.179.592	100.025.437
323	4. Phải trả người lao động		647.868.200	313.681.832
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		67.424.628	46.541.628
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn		122.781.440	148.909.116
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	V.14	190.271.574	3.185.186.907
<b>340</b>	<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>		-	-
<b>400</b>	<b>D. D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>32.711.458.850</b>	<b>29.329.896.985</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.15	<b>32.711.458.850</b>	<b>29.329.896.985</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		56.000.000.000	56.000.000.000
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		56.000.000.000	56.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		56.000.000.000	56.000.000.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		(23.288.541.150)	(26.670.103.015)
417.1	2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(23.288.541.150)	(26.670.103.015)
<b>420</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>35.746.384.284</b>	<b>33.669.141.905</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
005	1. Ngoại tệ các loại (USD)	V.16	63,57	69,07
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	V.16	5.600.000	5.600.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
			-	-

Người lập biểu



PHAN THỊ MINH HUYỀN

Quyền kế toán trưởng



PHAN THỊ MINH HUYỀN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018.



ĐẶNG QUANG TÝ



**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>			
01	1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		142.690.391	326.507.555
01.3	a. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL		142.690.391	326.507.555
03	1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		-	8.331.988
06	1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	VI.1	-	2.555.152.878
08	1.4. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	VI.1	582.540.909	8.804.881.803
09	1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	VI.1	-	84.781.036
10	1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	VI.1	10.874.545.454	1.447.608.864
11	1.7. Thu nhập hoạt động khác	VI.1	-	95.965.904
20	Cộng doanh thu hoạt động		11.599.776.754	13.323.230.028
	<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>			
	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản			
	2.1. phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	VI.2	-	(1.032.588.952)
27	2.2. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	VI.2	-	(1.740.408.769)
29	2.3. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	VI.2	(223.476.148)	(3.033.761.603)
30	2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	VI.2	-	(659.967.325)
31	2.5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	VI.2	(4.171.726.821)	(49.198.732)
32	2.6. Chi phí các dịch vụ khác	VI.2	(228.662.667)	(1.824.081.720)
40	Cộng chi phí hoạt động		(4.623.865.636)	(8.340.007.101)
	<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
42	3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		5.879.756	71.837.311
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		5.879.756	71.837.311
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>			
52	4.1. Chi phí lãi vay		-	(31.966.667)
53	4.3. Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh		-	-
54	4.4. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
55	4.5. Chi phí tài chính khác		-	-
60	Cộng chi phí tài chính		-	(31.966.667)
61	<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>		-	-
62	<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	VI.3	(3.924.537.588)	(5.121.797.550)
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		3.057.253.286	(98.703.979)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

*Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

*DVT: VND*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	8.1. Thu nhập khác		363.636.364	139.410.616
72	8.2. Chi phí khác		(39.327.785)	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		324.308.579	139.410.616
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>3.381.561.865</b>	<b>40.706.637</b>
91	9.1. Lợi nhuận đã thực hiện		-	40.707.494
100	<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>			
100.1	10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
100.2	10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
200	<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>3.381.561.865</b>	<b>40.706.637</b>
300	<b>XII THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>			
400	Tổng thu nhập toàn diện		3.381.561.865	40.706.637
500	<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>			
501	13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	VI.4	604	7
502	13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	VI.5	604	7

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018.*

Người lập biểu

Quyền kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





PHAN THỊ MINH HUYỀN

PHAN THỊ MINH HUYỀN

DANG QUANG TÝ



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp		3.381.561.865	40.706.637
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		1.169.024.663	2.275.447.680
03	- Khấu hao TSCĐ		130.919.844	142.875.394
04	- Các khoản dự phòng		998.777.034	2.162.588.952
06	- Chi phí lãi vay		-	31.966.667
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		39.327.785	-
08	- Dự thu tiền lãi		-	(61.983.333)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		-	-
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		-	-
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.550.586.528	2.316.154.317
36	(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		-	61.983.333
37	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(5.014.045.600)	(1.185.782.649)
39	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(130.196.667)	145.309.107
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(386.766.559)	177.861.408
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(26.127.676)	(246.029.527)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(24.746.335)	73.592.009
44	(-) Lãi vay đã trả		-	(31.966.667)
45	- Tăng (giảm) phải trả cho người bán		-	(29.669.221)
46	- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		20.883.000	(1.559.000)
47	- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		707.154.155	(94.460.168)
48	- Tăng (giảm) phải trả người lao động		334.186.368	(258.547.364)
50	- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác		(2.340.415.333)	(7.372.015.147)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	3.000.000.000
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(513.798.613)
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(825.536.363)	-
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(825.536.363)	-
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(800.000.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(800.000.000)
90	IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		(3.135.024.482)	(4.758.928.182)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		29.268.574.533	34.027.502.715
101.1	- Tiền		5.768.574.533	31.527.502.715
101.2	- Các khoản tương đương tiền		23.500.000.000	2.500.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		26.133.550.051	29.268.574.533
103.1	- Tiền		22.133.550.051	5.768.574.533
103.2	- Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	23.500.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay (*)	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		-	50.225.606.285
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		-	(727.250.742.556)
07	7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	724.629.272.698
08	8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	(48.529.386.073)
11	11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		-	(41.042.986)
20	<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>		-	<b>(966.292.632)</b>
	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>		-	<b>966.292.632</b>
	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	951.892.632
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	14.400.000
	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>		-	<b>-</b>
	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	-
45	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	-

(\*) Phần lưu chuyển tiền năm nay của hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng không phát sinh là do Công ty đã ngưng hoạt động về nghiệp vụ môi giới chứng khoán (Ủy ban chứng khoán đã cấp Giấy điều chỉnh số 04/GFĐC-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban chứng khoán, điều chỉnh rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán của Công ty).

Người lập biểu



PHAN THỊ MINH HUYỀN

Quyền kế toán trưởng



PHAN THỊ MINH HUYỀN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Tổng Giám đốc



DẶNG QUANG TÝ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng giảm				Số cuối năm	
		Ngày 01/01/2016	Ngày 01/01/2017	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2016	Ngày 31/12/2017
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		56.000.000.000	56.000.000.000	-	-	-	-	56.000.000.000	56.000.000.000
1.1. Vốn pháp định		35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
1.2. Vốn bổ sung		21.000.000.000	21.000.000.000	-	-	-	-	21.000.000.000	21.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(26.710.809.652)	(26.670.103.015)	40.706.637	-	3.381.561.865	-	(26.670.103.015)	(23.288.541.150)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(26.710.809.652)	(26.670.103.015)	40.706.637	-	3.381.561.865	-	(26.670.103.015)	(23.288.541.150)
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		29.289.190.348	29.329.896.985	40.706.637	-	3.381.561.865	-	29.329.896.985	32.711.458.850
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>		-	-	-	-	-	-	-	-

Người lập biểu



PHAN THỊ MINH HUỖN

Quyền kế toán trưởng



PHAN THỊ MINH HUỖN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Tổng Giám đốc





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty trong kỳ kế toán hiện tại là tư vấn tài chính.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty trong kỳ kế toán hiện tại là tư vấn tài chính.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 25 tháng 1 năm 2017, Ủy ban Chứng khoán nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK về việc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán của Công ty.

#### 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 20 nhân viên đang làm việc, số lao động tại ngày đầu năm là 26 nhân viên.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo đó, Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các Thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

**3. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

**4. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý công ty chứng khoán” trong kỳ.



Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 34/2011/TT-BTC ban hành ngày 14 tháng 03 năm 2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 như sau:

<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Mức trích dự phòng</b>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ một 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ một 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung ở Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Số năm</b>
Máy móc	08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị văn phòng	04

#### 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 04 năm.

#### 7. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

**8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ ba (3) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động: Chi phí thuê văn phòng và Chi phí vật dụng văn phòng.

**9. Các khoản phải trả và chi phí trả trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**10. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Lỗ chưa phân phối***

Lỗ chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lỗ chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lỗ đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

**11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

***Thu nhập lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ khác: tư vấn quản trị công ty cổ phần; tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp; tư vấn & tổ chức Đại hội cổ đông; tư vấn tài chính doanh nghiệp***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**12. Thuế thu nhập doanh nghiệp****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**13. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	10.552.920	120.673.183
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	22.122.997.131	5.647.901.350
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	23.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>26.133.550.051</u></b>	<b><u>29.268.574.533</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	16.500.000.000
- Quỹ tín dụng Nhân dân cơ sở Tây Sài Gòn	4.000.000.000	5.000.000.000
- Quỹ tín dụng nhân dân An Bình Phú	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.000.000.000</u></b>	<b><u>23.500.000.000</u></b>

**2. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b><u>292.180.000</u></b>	<b><u>100.000.000</u></b>
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY ACA	100.000.000	100.000.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phần mềm QLDN tại Tp.HCM	182.280.000	-
- Công ty CP Thẩm định giá và Tư vấn đầu tư Việt Nam	9.900.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>292.180.000</u></b>	<b><u>100.000.000</u></b>

**3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b><u>3.400.000.000</u></b>	<b><u>1.185.954.400</u></b>
- Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt	-	1.185.954.400
- Công ty CP Mua bán nợ Miền Nam (SDTC)	3.400.000.000	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b><u>2.800.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>
- Văn phòng Công chứng Châu Á	2.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.200.000.000</u></b>	<b><u>1.185.954.400</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**4. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>3.367.385.175</b>	<b>2.003.524.705</b>	<b>3.367.385.175</b>	<b>1.027.303.252</b>
- Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt	43.016.000	43.016.000	43.016.000	29.992.499
- Công ty Cổ phần Mua bán nợ Miền Nam (SDTC)	3.324.369.175	1.960.508.705	3.324.369.175	997.310.753
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>19.402.000</b>	<b>5.435.700</b>	<b>81.385.333</b>	<b>5.285.700</b>
- Công ty Cổ phần Gõ Gosaco	1.500.000	600.000	1.500.000	450.000
- Lãi dự thu tiền gửi	1.783.000	-	63.766.333	-
- Phải thu khác	16.119.000	4.835.700	16.119.000	4.835.700
<b>Cộng</b>	<b>3.386.787.175</b>	<b>2.008.960.405</b>	<b>3.448.770.508</b>	<b>1.032.588.952</b>

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Nợ quá hạn	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Nợ quá hạn	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu tạm ứng</b>	Từ 1 đến 2 năm	750.450.000	425.450.000	-	-	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>		<b>3.385.004.175</b>	<b>1.678.638.189</b>		<b>3.385.004.175</b>	<b>2.015.526.706</b>
- Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt	Trên 3 năm	43.016.000	4.420.303	Từ 2 đến 3 năm	43.016.000	13.023.501
- Công ty Cổ phần mua bán nợ Miền Nam (SDTC)	Từ 1 đến 2 năm	3.324.369.175	1.662.184.586	Dưới 1 năm	3.324.369.175	2.327.058.422
- Công ty Cổ phần gỗ Gosaco	Từ 2 đến 3 năm	1.500.000	750.000	Từ 1 đến 2 năm	1.500.000	1.050.000
- Các khoản phải thu khác	Từ 2 đến 3 năm	16.119.000	11.283.300	Từ 1 đến 2 năm	16.119.000	11.283.300
<b>Cộng</b>		<b>4.135.454.175</b>	<b>2.104.088.189</b>		<b>3.385.004.175</b>	<b>2.015.526.706</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Số đầu năm</b>	<b>(1.032.588.952)</b>	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(998.777.034)	(1.032.588.952)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(2.031.365.986)</b>	<b>(1.032.588.952)</b>

**6. Tạm ứng**

Là các khoản tạm ứng cho nhân viên thực hiện các công việc của công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn****7.a Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thiết bị, truyền dẫn	8.000.000	10.703.653
<b>Cộng</b>	<b>8.000.000</b>	<b>10.703.653</b>

**7.b Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	50.929.093	23.479.105
<b>Cộng</b>	<b>50.929.093</b>	<b>23.479.105</b>

**8. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn****8.a Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP mua bán nợ Miền Nam (SDTC) <sup>(*)</sup>	1.130.000.000	1.130.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.130.000.000</b>	<b>1.130.000.000</b>

(\*) Là khoản tiền đặt cọc cho Hợp đồng số 01/2013/ASC-SDTC ký ngày 14 tháng 01 năm 2013 và Hợp đồng số 112/2013/ASC-SDTC ký ngày 27 tháng 06 năm 2013 giữa Công ty và Công ty CP Mua bán nợ Miền Nam (SDTC). Theo hợp đồng trên, SDTC chịu trách nhiệm hỗ trợ Công ty tìm kiếm các đối tác có nhu cầu mua bán các khoản nợ của các doanh nghiệp mà Công ty đang tư vấn về tái cấu trúc doanh nghiệp hoặc sát nhập doanh nghiệp.

**8.b Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuê văn phòng	111.244.000	111.244.000
- Khác	15.000.000	15.000.000
<b>Cộng</b>	<b>126.244.000</b>	<b>126.244.000</b>

**9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng ký quỹ ngắn hạn	1.130.000.000	1.130.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.130.000.000</b>	<b>1.130.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	1.136.566.194	755.094.200	414.122.454	2.305.782.848
Mua mới	-	825.536.363	-	825.536.363
Thanh lý	-	(755.094.200)	-	(755.094.200)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.136.566.194</b>	<b>825.536.363</b>	<b>414.122.454</b>	<b>2.376.225.011</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	1.111.737.849	644.976.328	414.122.454	2.170.836.631
Khấu hao	11.578.020	96.841.824	-	108.419.844
Thanh lý	-	(715.766.415)	-	(715.766.415)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.123.315.869</b>	<b>26.051.737</b>	<b>414.122.454</b>	<b>1.563.490.060</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	24.828.345	110.117.872	-	134.946.217
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.250.325</b>	<b>799.484.626</b>	<b>-</b>	<b>812.734.951</b>

- Trong đó nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.488.350.878 đồng.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm tin học	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	2.553.521.305	2.553.521.305
Mua trong năm	-	-
Thanh lý	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.553.521.305</b>	<b>2.553.521.305</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	(2.514.146.305)	(2.514.146.305)
Khấu hao trong năm	22.500.000	22.500.000
Thanh lý	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.536.646.305</b>	<b>2.536.646.305</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	39.375.000	39.375.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.875.000</b>	<b>16.875.000</b>

- Trong đó nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.463.521.305 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chủ yếu là trả trước tiền để thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cổ phần hóa.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả cho các nhà cung cấp khác</b>	<b>1.199.400.000</b>	<b>544.900.000</b>
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	112.000.000	80.000.000
- Công ty CP Siam Brothers Việt Nam	85.000.000	85.000.000
- Tổng Công ty Mía đường II	78.000.000	78.000.000
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	74.800.000	74.800.000
- Các nhà cung cấp khác	961.600.000	227.100.000
<b>Cộng</b>	<b>1.199.400.000</b>	<b>544.900.000</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT	49.348.813	-	894.354.029	(165.732.790)	777.970.052	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	50.676.624	-	200.962.450	(222.429.534)	29.209.540	-
- Thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>100.025.437</b>	<b>-</b>	<b>(1.140.800.973)</b>	<b>(391.162.324)</b>	<b>807.179.592</b>	<b>-</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.381.561.865	40.706.637
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	134.666.467
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	134.666.467
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.381.561.865	175.373.104
Chuyển lỗ từ các năm trước (*)	(3.381.561.865)	(175.373.104)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 12.534.952.278 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

*Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ được chuyển	Lỗ đã chuyển đến 31/12/2017	Không được chuyển lỗ	Lỗ còn được chuyển tại 31/12/2017
2012	2017	(3.733.627.235)	(3.381.561.865)	(352.065.370)	-
2013	2018	(8.213.528.077)	-	-	(8.213.528.077)
2014	2019	(587.796.966)	-	-	(587.796.966)
<b>Cộng</b>		<b>12.534.952.278</b>	<b>(3.381.561.865)</b>	<b>(352.065.370)</b>	<b>(8.801.325.043)</b>

**14. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	<b>56.688.188</b>	<b>56.688.188</b>
- Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt	56.688.188	56.688.188
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>201.008.014</b>	<b>3.128.498.719</b>
- Nguyễn Thu Hiền	-	3.021.335.333
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	201.008.014	107.163.386
<b>Cộng</b>	<b><u>257.696.202</u></b>	<b><u>3.185.186.907</u></b>

**15. Vốn chủ sở hữu**

**15a. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.600.000	5.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.600.000	5.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.600.000	5.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**15b. Phân phối lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	<b>(26.670.103.015)</b>	<b>(26.710.809.652)</b>
Lãi trong năm	3.381.561.865	40.706.637
Số dư cuối năm	<b><u>(23.288.541.150)</u></b>	<b><u>(22.617.174.445)</u></b>

**16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngoại tệ	USD	63,57	69,07
- Cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu	5.600.000	5.600.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)****1. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	-	2.555.152.878
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	582.540.909	8.804.881.803
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	-	84.781.036
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10.874.545.454	1.447.608.864
- Thu nhập hoạt động khác	-	95.965.904
<b>Cộng</b>	<b><u>11.457.086.363</u></b>	<b><u>12.988.390.485</u></b>

**2. Chi phí hoạt động**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	-	1.032.588.952
- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	-	1.740.408.769
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	223.476.148	3.033.761.603
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	-	659.967.325
- Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	4.171.726.821	49.198.732
- Chi phí các dịch vụ khác	228.662.667	1.824.081.720
<b>Cộng</b>	<b><u>4.623.865.636</u></b>	<b><u>8.340.007.101</u></b>

**3. Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.691.222.364	1.994.347.961
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	287.951.004	140.250.375
- Chi phí dự phòng	988.777.034	1.130.000.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.841.824	94.386.780
- Thuế, phí và lệ phí	9.825.280	8.469.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	849.920.082	1.754.343.434
<b>Cộng</b>	<b><u>3.924.537.588</u></b>	<b><u>5.121.797.550</u></b>

**4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.381.561.865	40.706.637
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.381.561.865	40.706.637
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cp)	5.600.000	5.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b><u>604</u></b>	<b><u>7</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.381.561.865	40.706.637
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.381.561.865	40.706.637
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cp)	5.600.000	5.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>604</b>	<b>7</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)****1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

**2. Nợ tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**3.a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt(\*)*

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	329.075.000	505.116.500
Cổ tức nhận được	-	-
<b>Cộng</b>	<b>329.075.000</b>	<b>505.116.500</b>

(\*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.

**3.b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần mua bán nợ Miền Nam (SDTC)	Kiểm soát chung bởi cổ đông chi phối

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt		
- Thanh toán hộ	-	24.361.000
- Doanh thu phí hoa hồng môi giới	-	1.371.214.000
- Doanh thu phí tư vấn	2.272.727.272	8.162.494.400



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần mua bán nợ Miền Nam (SDTC)		
- Thanh toán hộ	-	3.900.000
- Doanh thu phí tư vấn	4.000.000.000	

**Số dư với các bên liên quan khác**

Là số dư giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Hoàn Lộc Việt		
- Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	-	1.185.954.400
- Các khoản phải thu khác	43.016.000	43.016.000
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	56.688.188	56.688.188
Công ty CP mua bán nợ Miền Nam (SDTC)		
- Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	3.400.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	3.324.369.175	3.324.369.175
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.130.000.000	1.130.000.000

**4. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm, hoạt động chính của công ty là tư vấn tài chính doanh nghiệp

**Khu vực địa lý**

Trong năm, hoạt động của Công ty chủ yếu là trên lãnh thổ Việt Nam.

**5. Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đến 1 năm	424.050.506	1.706.586.024
Trên 1-5 năm	-	426.646.506
<b>Cộng</b>	<b><u>424.050.506</u></b>	<b><u>2.133.232.530</u></b>

**6. Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

**6.a Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

*Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

*Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng.

Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ và ứng trước khi ký kết các hợp đồng ký quỹ và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng, Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn và không bị suy giảm</b>	<b>Quá hạn nhưng không bị suy giảm</b>	<b>Bị suy giảm giá trị</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
- Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6.200.000.000	-	-	<b>6.200.000.000</b>
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	126.244.000	-	1.130.000.000	<b>1.256.244.000</b>
- Phải thu khác	1.783.000	-	4.135.454.175	<b>4.137.237.175</b>
<b>Cộng</b>	<b>6.328.027.000</b>	<b>-</b>	<b>5.265.454.175</b>	<b>11.593.481.175</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Chưa quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm	Bị suy giảm giá trị	Cộng
<b>Số đầu năm</b>				
- Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	1.185.954.400	-	-	<b>1.185.954.400</b>
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	126.244.000	-	1.130.000.000	<b>1.256.244.000</b>
- Phải thu khác	169.266.333	-	3.379.504.175	<b>3.548.770.508</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.481.464.733</b>	-	<b>4.509.504.175</b>	<b>5.990.968.908</b>

**6.b Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản phải trả khác	1.579.877.642	-	-	1.579.877.642
<b>Cộng</b>	<b>1.579.877.642</b>	-	-	<b>1.579.877.642</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản phải trả khác	3.185.186.907	-	-	3.185.186.907
<b>Cộng</b>	<b>3.185.186.907</b>	-	-	<b>3.185.186.907</b>

**6.c Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty đánh giá rủi ro ngoại tệ của Công ty ở mức rất thấp do trong năm 2016 và năm 2017, Công ty hầu như không tham gia vào các giao dịch ngoại tệ.

**7. Thông tin so sánh**

Ngày 27 tháng 12 năm 2016 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014. Do đó, thông tin so sánh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày lại cho phù hợp với quy định của thông tư mới như sau:

	Mã số	Số liệu trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều
		điều chỉnh		chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Doanh thu hoạt động</b>				
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	-	1.447.608.864	1.447.608.864
- Thu nhập hoạt động khác	11	1.543.574.768	(1.447.608.864)	95.965.904
<b>Chi phí hoạt động</b>				
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	(3.082.960.335)	49.198.732	(3.033.761.603)
- Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	-	(49.198.732)	(49.198.732)

**8. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Người lập biểu

Quyền kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





PHAN THỊ MINH HUYỀN

PHAN THỊ MINH HUYỀN

ĐẶNG QUANG TÝ

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 – 03
2. Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	04 – 05
3. Công văn gửi UBCK Nhà nước về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	06
4. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	07 - 16
5. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	17 - 22

---





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

*Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 106/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 4 năm 2009 và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

*Giấy phép thành lập và hoạt động số*

*Ngày*

Giấy phép 313/UBCK-GP

Ngày 15 tháng 03 năm 2010

Giấy phép 327/UBCK-GP

Ngày 26 tháng 05 năm 2010

Giấy phép 98/GPĐC-UBCK

Ngày 06 tháng 07 năm 2012

Giấy phép 36/GPĐC-UBCK

Ngày 12 tháng 08 năm 2015

Giấy phép 04/GPĐC-UBCK

Ngày 25 tháng 01 năm 2017

Vốn điều lệ: 56.000.000.000 đồng (năm mươi sáu tỷ đồng).

Vốn pháp định: 35.000.000.000 đồng (ba mươi lăm tỷ đồng).

**2. Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3,  
Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) 3825 8106

Fax : +84 (28) 3824 8655

Mã số thuế : 0 3 0 9 6 6 6 4 5 1

**3. Ngành nghề hoạt động**

Hoạt động chính của công ty trong giai đoạn tài chính hiện tại là tư vấn tài chính.

**4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

**4.1 Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>
Ông Phan Minh Hoàn	Chủ tịch	Ngày 24 tháng 02 năm 2010
Ông Đặng Quang Tý	Thành viên	Ngày 06 tháng 05 năm 2014
Bà Đặng Vũ Thanh Hà	Thành viên	Ngày 22 tháng 09 năm 2014

**4.2 Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>
Bà Lê Thị Thu Trang	Trưởng ban	Ngày 06 tháng 10 năm 2015
Bà Đặng Thị Minh Thư	Thành viên	Ngày 23 tháng 12 năm 2014

**4.3 Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Đặng Quang Tý	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

**5. Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Minh Hoàn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Đặng Quang Tý - Tổng Giám đốc, được Ông Phan Minh Hoàn ủy quyền ký báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 01A/2015/QĐUQ ngày 27 tháng 1 năm 2015.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

*Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

---

**6. Đánh giá tỷ lệ an toàn tài chính**

Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc này 31 tháng 12 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính từ trang 08 đến trang 23.

**7. Sự kiện quan trọng trong năm và đến ngày lập báo cáo**

Ngày 25 tháng 1 năm 2017, Ủy ban Chứng khoán nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK về việc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán của Công ty.

**8. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

**9. Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong việc lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính;
- Lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

**10. Phê duyệt các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Ban Tổng Giám đốc độc phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 phù hợp với quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

  
**ĐẶNG QUANG TÝ**

**Tổng Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018.*



Số: 2192/2018/BCKT/AUD-DNVVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 (từ trang 07 đến trang 22).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được lập và trình bày phù hợp với quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc ngày cùng ngày đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 28 tháng 03 năm 2017, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với vấn đề nhấn mạnh (Ngày 25 tháng 1 năm 2017, Ủy ban Chứng khoán nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK về việc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán của Công ty).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018.



**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES**

**Đỗ Thị Hương - Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN số: 0967-2018-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN số: 2817-2014-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VIETVALUES



V/v: báo cáo chi tiêu tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017

Chúng tôi cam đoan rằng:

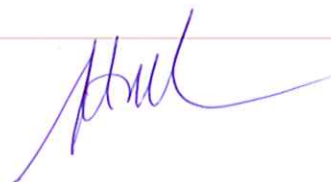
- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018 .

Quyền kế toán trưởng

Trưởng Bộ phận kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc



PHAN THỊ MINH HUYỀN



NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN



ĐẶNG QUANG TÝ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

ĐVT: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
<b>A.</b>	<b>Nguồn vốn</b>			
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	56.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)			
3	Cổ phiếu Quỹ			
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn			
5	Vốn khác của chủ sở hữu			
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý			
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ			
9	Quỹ khác thuộc Vốn Chủ sở hữu			
10	Lợi nhuận chưa phân phối	(23.288.541.150)		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	3.161.365.986		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định			
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
15	Toàn bộ phần tăng thêm hoặc giảm đi của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính			
16	Vốn khác (nếu có)			
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>		<b>35.872.824.836</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính</b>			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
			3.678.967.175	

14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>			
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		750.450.000	
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		8.000.000	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.130.000.000	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
7	Tài sản ngắn hạn khác			
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>		<b>5.567.417.175</b>	

12  
 5N  
 NH  
 JÁ  
 JÁ  
 TP

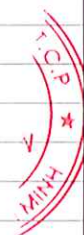


**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
C	Tài sản dài hạn	(1)	(2)	(3)
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>			
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
2.2	Đầu tư vào công ty con			
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
2.4	Đầu tư dài khác			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>829.609.951</b>	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>			
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>177.173.093</b>	
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		126.244.000	
2	Chi phí trả trước dài hạn		50.929.093	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán			
5	Tài sản dài hạn khác			
<b>VI</b>	<b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>			
	<i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</i>			
<b>C</b>	<b>Tổng</b>		<b>1.006.783.044</b>	
<b>D</b>	<b>Tài khoản ký quỹ đảm bảo</b>			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày			
<b>D</b>	<b>Tổng</b>		<b>-</b>	
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D</b>			<b>29.298.624.617</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

*Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính*

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

**A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG = Vị thế rông x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường**

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>			<b>26.133.550.051</b>	<b>-</b>
1	Tiền mặt (VND)	0%	22.133.550.051	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	4.000.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%		-
<b>II. Trái phiếu chính phủ</b>				-
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%		-
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định			-
5	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ của các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%		-
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				-
6	Trái phiếu niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		-
<b>IV. Cổ phiếu</b>				-
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quỹ mở	10%		-
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội	15%		-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống Upcom	20%		-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%		-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%		-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

*Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính*

<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>				-	-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%			-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%			-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>				-	-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%			-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%			-
<b>VII. Chứng khoán khác</b>				-	-
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%			-
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%			-
<b>VIII. Các tài sản khác</b>				-	-
19	Cổ phần, phần vốn góp, và các loại chứng khoán khác	80%			-
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%			-
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%			-
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%			-
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội	10%			-
24	Chứng quyền có bảo đảm do Công ty Chứng khoán phát hành				-
25	Chứng quyền hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có đảm bảo không có lãi)				-
26	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm				-
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)</b>					
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro	
1.	...				
2.	...				
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>				-	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

*Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*  
*Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính*

**B. RỦI RO THANH TOÁN**

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>								
	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác							240.000.000
1	Cho vay tài sản tài chính / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					240.000.000		
2	Vay tài sản tài chính / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
3	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
4	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
5	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (Cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
6								240.000.000
<b>TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN</b>								<b>240.000.000</b>

**II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán**

TT	Thời hạn quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		-



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài lệ an toàn tài chính

3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-	-
4	Từ 60 ngày trở đi	100%	-	-
<b>TỔNG RỦI RO QUÁ HẠN THANH TOÁN</b>				

### III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)

	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Tiền gửi kỳ hạn tại Quỹ tín dụng Nhân dân cơ sở Tây Sài Gòn	20%	240.000.000	48.000.000
<b>CỘNG</b>				<b>48.000.000</b>
<b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)</b>				<b>288.000.000</b>

Ghi chú:

- (1): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký Chứng khoán
- (3): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD
- (4): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc ngoài khối OECD
- (5): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập và hoạt động ở Việt nam
- (6): Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

**C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)**

<b>I.</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng</b>	<b>8.472.601.009</b>
	<b>Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí</b>	<b>1.129.696.878</b>
	Chi phí khấu hao	130.919.844
	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-
<b>II.</b>	<b>Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>
	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	998.777.034
	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-
<b>III.</b>	<b>Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)</b>	<b>7.342.904.131</b>
<b>IV.</b>	<b>25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ</b>	<b>1.835.726.033</b>
<b>V.</b>	<b>20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán</b>	<b>7.000.000.000</b>
	<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max (IV,V))</b>	<b>7.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

*Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*


*Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính*

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	288.000.000	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000.000	
4	<b>Tổng giá trị rủi ro (4 = 1+2+3)</b>	<b>7.288.000.000</b>	
5	Vốn khả dụng	29.298.624.617	
6	<b>Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6 = 5/4)</b>	<b>402%</b>	

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018*

Quyền kế toán trưởng

  
PHAN THỊ MINH HUYỀN

Trưởng Bộ phận kiểm soát nội bộ

  
NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN

Tổng Giám đốc

  
ĐẶNG QUANG TÝ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

### I. KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 106/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 4 năm 2009 và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép thành lập và hoạt động số</u>	<u>Ngày</u>
Giấy phép 313/UBCK-GP	Ngày 15 tháng 03 năm 2010
Giấy phép 327/UBCK-GP	Ngày 26 tháng 05 năm 2010
Giấy phép 98/GPĐC-UBCK	Ngày 06 tháng 07 năm 2012
Giấy phép 36/GPĐC-UBCK	Ngày 12 tháng 08 năm 2015
Giấy phép 04/GPĐC-UBCK	Ngày 25 tháng 01 năm 2017

Vốn điều lệ: 56.000.000.000 đồng (năm mươi sáu mươi tỷ đồng), trong đó Vốn pháp định: 35.000.000.000 đồng (ba mươi lăm tỷ đồng).

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là tư vấn tài chính.

Công ty có trụ sở tại Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41 - 43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

### II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 1. Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ An toàn Tài chính đã được lập phù hợp với các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của riêng Công ty tại ngày lập báo cáo.

Các thức diễn giải được áp dụng trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 87/2017/TT-BTC và các văn bản khác.

#### 2. Mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

#### 3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (“VND”).



### III. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

#### 1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là thước đo mức độ an toàn tài chính của công ty, phản ánh khả năng của công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong thông tư số 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, Tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

#### 2. Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu sẵn sàng để đáp ứng nghĩa vụ đến hạn trong vòng 90 ngày.

Theo quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC, vốn khả dụng của công ty được xác định bằng tổng vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày.

Vốn khả dụng của công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản sau:

- Giá trị của các khoản nợ có thời hạn ban đầu là 5 năm của công ty có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- Các khoản nợ có thời hạn ban đầu trên 10 năm đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với ủy ban chứng khoán nhà nước; và
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các khoản chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với công ty cũng như các chứng khoán có thời gian hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo an toàn tài chính.

Tổng giá trị các khoản được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/ chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (4) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/ chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Năm mươi phần trăm phần giá trị giảm đi của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật;
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty và chứng khoán có thời gian hạn chế chuyển nhượng còn lại 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo an toàn tài chính;
- Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày;
- Các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán nếu có.

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ (đối với tài sản được dùng làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba).

### **3. Giá trị rủi ro thị trường**

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá trị thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi và được công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của rủi ro chứng khoán đang nắm giữ của công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
  - + Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
  - + Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tính toán.
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.

#### **3.1 Hệ số rủi ro thị trường**

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong thông tư số 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

#### **3.2 Giá trị rủi ro tăng thêm**

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong quá trình bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

### **4. Giá trị rủi ro thanh toán**

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi các đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:



- Đối với các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu; các khoản phải thu khác và tài sản khác có tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán;
- Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

#### 4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Căn cứ Thông tư số 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, hệ số rủi ro trước thời hạn thanh toán cho loại giao dịch “Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác” đối với “Các tổ chức, cá nhân khác” mà Công ty áp dụng là 6%.

Căn cứ Thông tư số 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành, hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian cho các khoản phải thu quá thời hạn từ 60 ngày trở đi mà Công ty áp dụng là 100%.

#### 4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại. Tại Công ty chỉ tính rủi ro cho loại giao dịch “Tiền gửi có kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán” là toàn bộ giá trị khoản cho vay/tiền gửi.

#### 4.3 Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;



Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

$$\text{Giá trị tài sản đảm bảo} = \frac{\text{Khối lượng tài sản} \times \text{giá tài sản}}{\text{tài sản}} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})$$

#### 4.4 Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

#### 4.5 Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch; hoặc
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết) hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong ngày theo thỏa thuận của hai bên).

### 5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn;
- Dự phòng phải thu khó đòi.



#### IV. CÁC THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Các sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

##### 2. Các sự kiện quan trọng trong năm

Ngày 25 tháng 1 năm 2017, Ủy ban Chứng khoán nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK về việc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Quyền kế toán trưởng

PHAN THỊ MINH HUYỀN

Trưởng bộ phận Kiểm soát  
nội bộ

NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN

Tổng Giám đốc



DẶNG QUANG TÝ